

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY

**QUẢN LÝ NGUỒN VỐN TẠI VIỆN THÔNG
BẮC GIANG, ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỆN THÔNG VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

THÁI NGUYÊN, NĂM 2020

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY

**QUẢN LÝ NGUỒN VỐN TẠI VIỄN THÔNG
BẮC GIANG, ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 8.34.04.10

LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐỖ THỊ HÒA NHÃ

THÁI NGUYÊN, NĂM 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn khoa học **TS. Đỗ Thị Hòa Nhã** và không trùng lặp với bất kỳ luận văn hoặc công trình nào khác. Các tư liệu và số liệu sử dụng trong luận văn được thu thập từ các nguồn gốc đáng tin cậy.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2020

Tác giả luận văn

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ nhiệt tình và đóng góp quý báu của nhiều tập thể và cá nhân.

Trước hết, tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu Nhà trường, phòng Quản lý Đào tạo sau Đại học, các Khoa, các Phòng của trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên, đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành chương trình học tập và thực hiện luận văn của mình.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự hướng dẫn rất tận tình của **TS. Đỗ Thị Hòa Nhã**. Ngoài ra, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến các anh chị VNPT Bắc Giang đã tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp thông tin cần thiết cho tôi trong quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài.

Xin cảm ơn sự động viên, hỗ trợ của gia đình, đồng nghiệp và bạn bè đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2020

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH	vii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Ý nghĩa khoa học của nghiên cứu	3
5. Bố cục của luận văn	4
Chương 1 :CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	5
1.1. Cơ sở lý luận về quản lý nguồn vốn kinh doanh tại doanh nghiệp Nhà nước.....	5
1.1.1. Lý luận về vốn kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước	5
1.1.2. Lý luận về quản lý nguồn vốn kinh doanh tại doanh nghiệp Nhà nước.....	19
1.2. Cơ sở thực tiễn về quản lý nguồn vốn kinh doanh.....	37
1.2.1. Kinh nghiệm về quản lý nguồn vốn của một số doanh nghiệp viễn thông	37
1.2.2. Bài học rút ra cho Viễn thông Bắc Giang.....	39
Chương 2 : PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	42
2.1. Câu hỏi nghiên cứu	42
2.2. Phương pháp nghiên cứu	42
2.2.1. Phương pháp thu thập thông tin	42
2.2.2. Phương pháp tổng hợp thông tin.....	42
2.2.3. Phương pháp phân tích thông tin	43
2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu.....	43
2.3.1. Đối với hoạt động lập kế hoạch nguồn vốn kinh doanh.....	43

2.3.2. Đối với hoạt động sử dụng, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình sử dụng vốn kinh doanh.....	44
Chương 3 : THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NGUỒN VỐN TẠI VIỄN THÔNG BẮC GIANG	51
3.1. Khái quát về Viễn thông Bắc Giang	51
3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Viễn thông Bắc Giang.....	51
3.1.2. Cơ cấu tổ chức của Viễn thông Bắc Giang	53
3.1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Viễn thông Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2018.....	57
3.2. Thực trạng quản lý nguồn vốn kinh doanh tại Viễn thông Bắc Giang	64
3.2.1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp	64
3.2.2. Thực trạng quản lý vốn kinh doanh của Viễn thông Bắc Giang.....	72
3.2.3. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Viễn thông Bắc Giang	84
3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nguồn vốn kinh doanh tại Viễn thông Bắc Giang.....	99
3.3.1. Nhóm yếu tố khách quan	99
3.3.2. Nhóm yếu tố chủ quan.....	103
3.4. Đánh giá chung về hoạt động quản lý vốn của Viễn thông Bắc Giang.....	105
3.4.1. Những kết quả đạt được.....	105
3.4.2. Những tồn tại và nguyên nhân	107
Chương 4 : GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN ..	110
TẠI VIỄN THÔNG BẮC GIANG	110
4.1. Bối cảnh kinh tế và định hướng phát triển ngành viễn thông trong thời gian tới .	110
4.1.1. Bối cảnh kinh tế.....	110
4.1.2. Định hướng phát triển ngành viễn thông trong thời gian tới.....	111
4.1.3. Định hướng của doanh nghiệp trong quản lý nguồn vốn kinh doanh	112
4.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn kinh doanh tại Viễn thông Bắc Giang	114
4.2.1. Giải pháp đối với hoạt động lập kế hoạch về vốn kinh doanh	114
4.2.2. Giải pháp đối với công tác huy động vốn kinh doanh.	114

4.2.3. Giải pháp đối với công tác quản lý sử dụng nguồn vốn	116
4.2.4. Giải pháp đối với hoạt động kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn kinh doanh	119
4.2.5. Các giải pháp khác	120
4.3. Các kiến nghị.....	121
4.3.1. Đối với Nhà nước.....	121
4.3.2. Đối với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	122
KẾT LUẬN	125
TÀI LIỆU THAM KHẢO	127
Phụ lục: 1	129
Phụ lục: 2	130

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BCVT	: Bru chính Viễn thông
DN	: Doanh nghiệp
DNNN	: Doanh nghiệp Nhà nước
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
VNPT	: Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam
VNPT Bắc Giang	: Viễn thông Bắc Giang
TSCĐ	: Tài sản cố định
TSLĐ	: Tài sản lưu động
GTCL	: Giá trị còn lại
TSNH	: Tài sản ngắn hạn
TSDH	: Tài sản dài hạn
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VCD	: Vốn cố định
VLD	: Vốn lưu động
XDCB	: Xây dựng cơ bản
HTK	: Hàng tồn kho
SP	: Sản phẩm
VT-CNTT	: Viễn thông - Công nghệ thông tin
ROS	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu
ROA	: Tỷ suất sinh lời của tài sản
ROE	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

Danh mục các bảng :

Bảng 3.1. Doanh thu phát sinh địa bàn của VNPT Bắc Giang.....	58
Bảng 3. 2. Doanh thu nhiệm vụ của VNPT Bắc Giang	60
Bảng 3. 3. Sự tăng trưởng về sản lượng thuê bao phát triển.....	61
Bảng 3.4. Thuê bao phát sinh cước của VNPT Bắc Giang	62
Bảng 3. 5. Kết quả hoạt động SXKD của VNPT Bắc Giang	63
Bảng 3. 6. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của VNPT Bắc Giang giai đoạn 2016-2018..	65
Bảng 3.7. TSCĐ tăng của VNPT Bắc Giang từ năm 2016-2018.....	75
Bảng 3.8 . TSCĐ giảm của VNPT Bắc Giang từ năm 2016-2018	76
Bảng 3. 9. Tình hình trích khấu hao năm 2018 của VNPT Bắc Giang.....	77
Bảng 3. 10. TSCĐ hữu hình đã trích hết khấu hao tại thời điểm 31/12/2018 nhưng vẫn đang sử dụng của VNPT Bắc Giang	79
Bảng 3. 11. Các khoản phải thu của VNPT Bắc Giang	83
Bảng 3. 12. Hệ số khả năng thanh toán của VNPT Bắc Giang	86
Bảng 3.13. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu suất hoạt động của VNPT Bắc Giang.....	88
Bảng 3. 14. Phân tích các hệ số tự tài trợ giai đoạn 2016-2018	92
Bảng 3. 15. Các chỉ tiêu đánh giá sức sinh lời của vốn kinh doanh.....	93
Bảng 3. 16. Hiệu quả sử dụng vốn cố định của VNPT Bắc Giang	96
Bảng 3. 17. Hiệu suất sử dụng VLĐ của VNPT Bắc Giang	97

Danh mục các hình :

Hình 3. 1. Mô hình tổ chức của VNPT Bắc Giang	54
Hình 3. 2. Cơ cấu doanh thu phát sinh của VNPT Bắc Giang	59
Hình 3. 3. Cơ cấu vốn chủ sở hữu và nợ phải trả của VNPT Bắc Giang	71

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nguồn vốn là cơ sở để giúp một doanh nghiệp (DN) tồn tại. Đây chính là điều kiện tiên quyết, có ý nghĩa quyết định đến quá trình sản xuất, kinh doanh của DN. Vốn kinh doanh của DN thường xuyên được vận động và chuyển hóa từ hình thái là tiền, sang hiện vật hoặc dịch vụ và quay trở lại hình thái tiền khi kết thúc một chu trình kinh doanh. Một DN không thể duy trì sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo thu nhập cho người lao động hay có những đóng góp khác cho xã hội nếu DN đó thiếu vốn kinh doanh.

Trong hệ thống doanh nghiệp, các doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta và có đóng góp không nhỏ vào ngân sách Nhà nước. Tính đến cuối năm 2018, theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ, có 490 DNNN sở hữu 100% vốn, chiếm 26-28% GDP và 24,82% ngân sách Nhà nước (Huệ Bạch, 2019). Như vậy, các DNNN vẫn đang giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong năm 2019 cũng chứng kiến sự thoái vốn của hơn 190 doanh nghiệp và có gần 100 DNNN đang cổ phần hóa mạnh mẽ (Huệ Bạch, 2019). Các DNNN có nguy cơ thoái vốn hoặc bị đóng cửa là những doanh nghiệp thiếu vốn, hoạt động cầm chừng, duy trì hoạt động thông qua vay ngoài dẫn đến tình trạng nợ đọng tăng cao, suy thoái nguồn vốn Nhà nước đầu tư. Trong những năm vừa qua, số lượng các DNNN đang sụt giảm, song tổng tài sản của các DN khối quốc doanh đang tăng lên kể từ năm 2016. Đó chính là nhờ việc cổ phần hóa, kêu gọi thêm nguồn vốn đầu tư và thặng dư vốn trong quá trình đánh giá lại tài sản và cổ phần hóa các DN thành viên và đơn vị phụ thuộc của các DNNN, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế. Tuy nhiên, hoạt động của các DNNN và các đơn vị phụ thuộc chưa thực sự hiệu quả, tỷ suất lợi nhuận trên vốn còn chưa cao, dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn sản xuất kinh doanh của DN chưa cao, chưa phát huy hiệu quả được nguồn vốn từ Nhà nước. Do vậy, vấn đề cấp thiết đặt ra với các DNNN cũng như các thành viên, đơn vị phụ thuộc các DN là làm sao có thể nâng cao được công tác quản lý và sử dụng vốn kinh doanh, đặc biệt là nguồn vốn từ Nhà nước, được hiệu quả?.

Bên cạnh đó, đối với mỗi một DN hoạt động trong từng lĩnh vực khác nhau thì